

# NGHIÊN CỨU VỀ CÔNG BỐ CACBON: Xem xét các nhân tố ảnh hưởng và sự tác động đến giá trị doanh nghiệp

 Th.S. Lê Thu Hằng\*

Nhận: 23/03/2023

Biên tập: 24/04/2023

Duyệt đăng: 28/04/2023

## Tóm tắt

Nghiên cứu này cung cấp một cái nhìn toàn cảnh của các nghiên cứu về công bố cacbon. Các khuôn mẫu lý thuyết phổ biến liên quan đến việc công bố thông tin (CBTT) cacbon được trình bày, gồm: Lý thuyết hợp pháp, Lý thuyết các bên liên quan, Lý thuyết thể chế, Lý thuyết tín hiệu và Lý thuyết đại diện. Quyết định tiết lộ thông tin phát thải cacbon bị ảnh hưởng bởi các nhân tố bên ngoài như: áp lực từ quy định và thể chế, áp lực từ kinh tế và áp lực từ xã hội; cùng các nhân tố bên trong như: quản trị công ty và tình trạng tài chính. Cuối cùng, nghiên cứu cũng phân tích tác động của công bố cacbon đến giá trị doanh nghiệp (DN).

**Từ khóa:** công bố cacbon, công bố khí thải cacbon, công bố cacbon và giá trị doanh nghiệp, các yếu tố quyết định công bố cacbon.

## Abstract

This study provides an overview of the research on carbon disclosure. Common theoretical frameworks related to carbon disclosure are presented: legitimacy theory, stakeholder theory, institutional theory, signaling theory, and agency theory. The decision to disclose carbon emissions is influenced by external factors such as regulatory and institutional pressure, economic pressure, social pressure, and internal factors such as corporate governance, financial status. Finally, the study also analyzes the impact of carbon disclosure on firm value.

**Keywords:** carbon disclosure, carbon emissions carbon disclosure and firm value, carbon disclosure determinants.

**JEL Classification:** M10, M21, M29.

**DOI:**

## 1. Giới thiệu

Hiện tại, các công ty không chỉ được yêu cầu tập trung vào phúc lợi của chủ sở hữu và ban quản lý, mà còn tất cả các bên liên quan như: nhân viên, người tiêu dùng, cộng đồng và môi trường... nơi công ty được thành lập. Do đó, việc cải thiện hiệu quả môi trường, sẽ khuyến khích các công ty tăng cường CBTT tự nguyện của công ty cho đối tượng bên trong và bên ngoài công ty. Các công ty được yêu cầu CBTT về hoạt động xã hội

hay trách nhiệm xã hội, tương tự như công bố các thông tin về tình hình tài chính. Các công ty hiện đang cạnh tranh để thực hiện kế toán xanh, điều này sẽ góp phần giảm thiểu các vấn đề môi trường mà các công ty phải đối mặt. Ngoài ra, việc công bố các thông tin liên quan đến môi trường cũng góp phần thể hiện hình ảnh đẹp của công ty đối với cộng đồng (Anggita và Nugroho, 2022).

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện, nhằm phân tích đặc điểm tình hình tài chính tác động đến việc công bố môi trường, nhưng chủ yếu được thực hiện ở các quốc gia phát triển. Đồng thời, các công ty hoạt động trong các thị trường mới nổi đang dần tán thành việc CBTT tự nguyện, để đối phó với áp lực từ các nhà đầu tư và các bên liên quan (Li và cộng sự, 2014).

Các nghiên cứu cho thấy, nhiều nhân tố bên trong có tác động đến việc công bố cacbon. Luo (2019) nhận thấy rằng, quy mô và hiệu quả tài chính của công ty là những yếu tố ảnh hưởng đến mức độ CBTT về môi trường; nghiên cứu của Kouloukoui và cộng sự (2019) cho thấy, quy mô hội đồng quản trị và sự hiện diện của giám đốc độc lập có tác động tích cực đến việc công bố cacbon; nhiều nghiên cứu khác đã phân tích tác động của nhân tố bên ngoài đến việc tiết lộ thông tin cacbon. Nghiên cứu của Pinheiro và cộng sự (2022) đã cho thấy, các công bố cacbon bị ảnh hưởng bởi các giá trị văn hóa ở quốc gia.

Việc CBTT cacbon liệu rằng có ảnh hưởng đến giá trị DN hay không? Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện, để trả lời cho câu hỏi

\*Trường Đại học Bà Rịa – Vũng Tàu

này. Trong khi, có nhiều nghiên cứu cho thấy tác động tích cực của việc tiết lộ khí thải cacbon và một số nghiên cứu khác cho thấy kết quả ngược lại, cũng như tìm ra được công bố cacbon không phải là yếu tố làm gia tăng giá trị DN, mà còn phải được kết hợp cùng các yếu tố khác mới cho tác động tích cực.

Nghiên cứu này được thực hiện, nhằm xem xét lại các khuôn mẫu lý thuyết tác động đến công bố cacbon. Các nghiên cứu đã được thực hiện về những nhân tố ảnh hưởng đến việc CBTT lượng khí thải cacbon và ảnh hưởng của công bố cacbon đến giá trị DN.

## 2. Khuôn mẫu lý thuyết

Nhiều lý thuyết được các nghiên cứu sử dụng để phân tích về công bố cacbon. Những lý thuyết phổ biến được sử dụng, gồm: Lý thuyết hợp pháp, Lý thuyết các bên liên quan, Lý thuyết thể chế, Lý thuyết tín hiệu và Lý thuyết đại diện (Bazhair và cộng sự, 2022; Al Amosh và Khatib, 2022).

### 2.1. Lý thuyết hợp pháp

Lý thuyết cho rằng, hoạt động của tổ chức phải theo các giá trị hay các chuẩn mực xã hội mà tổ chức đó hoạt động (Arum, 2019). Lý thuyết đề nghị, có một hợp đồng xã hội giữa DN và xã hội, nó cho phép một mức tiết lộ cacbon cao hơn để đảm bảo tuân thủ hợp pháp và các chuẩn mực xã hội, khi mà các báo cáo bắt buộc là chưa đủ (Nik Ahmad và Hossain, 2019). Điều này có thể đạt được, thông qua việc công bố tự nguyện trong các báo cáo thường niên của công ty.

Theo Anggita và Nugroho (2022), các hoạt động môi trường

được công bố là hữu ích, cho việc duy trì phục hồi và đạt được sự ghi nhận từ xã hội, cũng như tính hợp pháp. Ngoài ra, các công ty có thể gia tăng các khoản chi phí môi trường hoặc kế toán xanh, như một sự nỗ lực để tăng tính hợp pháp đối với cộng đồng. Một trong những đối tượng bên ngoài là cơ quan quản lý có ảnh hưởng lớn đến công ty.

Vì vậy, các DN tự nguyện tiết lộ dữ liệu phát thải cacbon để đáp ứng với áp lực xã hội (Kalu và cộng sự, 2016) và để hợp pháp hóa các hoạt động kinh doanh (Brammer và Pavelin, 2006).

### 2.2. Lý thuyết các bên liên quan

Lý thuyết các bên liên quan lần đầu tiên được đề xuất bởi Edward Freeman, vào đầu năm 1983. Đây là một trong những lý thuyết về đạo đức phổ biến trong môi trường DN, là lý thuyết các bên liên quan, vì nó thể hiện nhu cầu và mong muốn của các bên liên quan khác nhau từ các hoạt động khác nhau (Zamil và cộng sự, 2021).

Lý thuyết này tập trung vào một nhóm cụ thể, thay vì ở quy mô toàn xã hội. Các công ty với việc công bố thêm thông tin nhằm mục đích đảm bảo rằng lợi ích và những mong đợi của các bên liên quan sẽ được đáp ứng. CBTT về môi trường là một cách thức truyền thông, giữa bên liên quan và tổ chức (Alfani và Diyanty, 2019).

Nghiên cứu của Cotter và Najah (2012) đã trình bày về mối liên quan đáng kể giữa báo cáo biến đổi khí hậu và áp lực của nhà đầu tư, củng cố lý thuyết các bên liên quan. Chứng tỏ, tiềm năng của sức mạnh và sự hợp pháp của các bên liên quan để tác động đến các

hoạt động báo cáo của công ty. Tuy nhiên, mặc dù lý thuyết các bên liên quan giải thích động lực của việc công bố cacbon, nó không giúp làm nổi bật sự khác biệt giữa các tổ chức được thực hiện trong các môi trường khác nhau khi so sánh đến lý thuyết thể chế; trong đó tập trung vào quan điểm xã hội và bên trong môi trường thể chế (Hoştut & Hof, 2020).

### 2.3. Lý thuyết thể chế

Lý thuyết này ban đầu tập trung vào ý nghĩa của niềm tin thể chế sau đó được nhấn mạnh hơn, thể hiện sự đa dạng của các quy trình tổ chức và giải thích sự khác biệt giữa các công ty (DiMaggio và Powell, 1983).

Các tổ chức được thúc đẩy, không chỉ bởi mục đích tối đa hóa lợi nhuận mà còn bởi các yêu cầu của các tổ chức khác nhau, như nhà đầu tư và chính phủ. Những kỳ vọng này khiến các tổ chức dần dần điều chỉnh hành vi của họ. Lý thuyết thể chế bổ sung cho lý thuyết hợp pháp và lý thuyết các bên liên quan, trong việc hiểu cách các tổ chức phản ứng với áp lực xã hội và thể chế. Lý thuyết này được ủng hộ rộng rãi trong các phân tích về CBTT môi trường (Rahman và cộng sự, 2019).

### 2.4. Lý thuyết tín hiệu

Michael Spence đã phát triển “Lý thuyết tín hiệu” năm 1978, để hình thành các mô hình tín hiệu trong môi trường làm việc giữa người lao động và người sử dụng lao động, một bên sẽ tiết lộ các thông tin cho bên còn lại, để cung cấp những dấu hiệu tích cực. Tiết lộ thông tin được coi là một phương tiện báo hiệu. Vì vậy, các công ty thực hiện việc CBTT tự

nguyện để báo hiệu mình là tốt nhất (Campbell và cộng sự, 2001).

Theo Bae và cộng sự (2018), nhà quản trị chia sẻ thông tin để gửi tín hiệu đến thị trường và các bên liên quan, để thể hiện cam kết của họ đối với các hoạt động tự nguyện làm giảm sự bất cân xứng của thông tin và nâng cao danh tiếng của công ty. Hơn nữa, tín hiệu phản hồi từ bên ngoài là rất quan trọng đối với tổ chức để hiểu khoảng cách thực sự giữa bên trong và bên ngoài, cũng như khuyến khích thiết kế và thực hiện kế hoạch cải tiến cho công ty.

### 2.5. Lý thuyết đại diện

Lý thuyết này thể hiện vấn đề tách biệt giữa quyền sở hữu và quyền kiểm soát của một công ty. Theo Donnelly và Mulcahy (2008), lý thuyết đại diện đưa ra những lời giải thích hợp lý cho công ty thực hành CBTT. Chi phí đại diện có thể khiến các giám đốc của công ty tự nguyện CBTT. Do đó, ban lãnh đạo phải xem xét chi phí đại diện trong quá trình ra quyết định. Nếu không, nó sẽ gửi tín hiệu tiêu cực đến các bên liên quan và làm giảm giá trị công ty. Hơn nữa, các xung đột đại diện làm tăng chi phí giám sát và liên kết sẽ có thể giảm bằng cách CBTT tài chính và phi tài chính (Morris, 1987). Lý thuyết đại diện đề xuất rằng, các bộ phận của công ty được thúc đẩy để cung cấp thêm thông tin và tự nguyện công bố để giảm vấn đề thông tin bất cân xứng và do đó giảm chi phí đại diện (Omran & El-Galfy, 2014).

## 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến việc công bố cacbon

Nhiều nghiên cứu đã được thực hiện, để phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến việc công bố

cacbon của các công ty. Các yếu tố có thể chia thành 02 nhóm: nhóm yếu tố bên ngoài và nhóm yếu tố bên trong.

### 3.1. Nhóm yếu tố bên ngoài

#### *Áp lực từ quy định và thể chế*

Các nhà nghiên cứu thấy rằng, hệ thống pháp luật với sự bảo vệ mạnh mẽ của các nhà đầu tư và quy định môi trường nghiêm ngặt thúc đẩy việc tiết lộ cacbon tự nguyện (Alrazi và cộng sự, 2016; Tang và Luo, 2016). Sau khi kiểm soát tác động của các bên liên quan, các công ty có ảnh hưởng thể chế tương tự (ví dụ, về ngành, cơ chế mua bán khí thải hoặc quy định nghiêm ngặt về môi trường) đạt được mức độ tương tự về sự minh bạch thái tương tự và thể hiện các thông lệ CBTT phù hợp. Những kết quả này cũng phù hợp với lý thuyết thể chế (Tang và Luo, 2016).

Nghiên cứu của Choi và cộng sự (2013) phân tích tình hình công bố cacbon của 100 công ty lớn nhất ở Úc, trong giai đoạn 2006 - 2008. Nghiên cứu đã cho thấy, việc một công ty hoạt động trong lĩnh vực có lượng phát thải lớn có ảnh hưởng tích cực đến việc công bố cacbon. Kết quả nghiên cứu của Tang và Luo (2016) với dữ liệu 500 công ty trên thế giới cũng cho thấy, các công ty hoạt động trong các lĩnh vực sử dụng nhiều cacbon có xu hướng tiết lộ nhiều carbon hơn so với các công ty trong các lĩnh vực khác, bởi vì họ phải đối mặt với áp lực pháp lý cao hơn.

Nghiên cứu của Rankin và cộng sự (2011) cho thấy, các công ty trong lĩnh vực khai thác mỏ và năng lượng của Úc có xu hướng tự nguyện báo cáo cao hơn, đáng tin cậy hơn về thông tin phát thải khí

nhà kính hơn các ngành công nghiệp khác. Những kết quả này gợi ý rằng, các công ty đang chủ động giải quyết các rủi ro về quy định vật chất và uy tín liên quan với biến đổi khí hậu, vì những lý do thực tế như khả năng cạnh tranh quốc tế cũng như lợi thế cụ thể của công ty.

#### *Áp lực kinh tế*

Ví dụ điển hình nhất là tác dụng của Nghị định thư Kyoto. Nghiên cứu của Freedman và Jaggi (2005) và Jira & Toffel (2013) đã chỉ ra rằng, các công ty có trụ sở tại các quốc gia ký kết Nghị định thư Kyoto có khả năng cung cấp tiết lộ chi tiết về những nỗ lực và thành quả của họ, khi họ được yêu cầu phải thực hiện chi tiêu lớn để đáp ứng các yêu cầu của nghị định.

#### *Áp lực xã hội*

Quy mô công ty được thể hiện cho áp lực xã hội, với giả định rằng các công ty lớn hơn thu hút sự chú ý từ cộng đồng hơn. Kết quả nghiên cứu của Desai (2022) cho thấy, quy mô công ty và giá trị thị trường có ảnh hưởng đáng kể đến việc công bố cacbon. Chứng tỏ rằng, các công ty có quy mô lớn và giá trị công ty cao có khả năng cao, để tiết lộ thông tin cacbon so với những công ty khác. Điều này cũng tương tự với kết quả nghiên cứu của Alfani và Diyanty (2019) rằng, các công ty có quy mô lớn sẽ nhận được nhiều yêu cầu và sự chú ý hơn từ cộng đồng. Điều này sẽ dẫn đến các hoạt động phù hợp hơn, tuân theo các chuẩn mực và giá trị mà được tổ chức chặt chẽ bởi các cộng đồng. Nó sẽ buộc các công ty lớn nhận thức rõ hơn về môi trường và các vấn đề xã

hội, bằng cách thực hành và công bố kinh doanh bền vững.

Ngoài ra, danh tiếng xã hội cũng được xem xét như một áp lực xã hội đối với việc công bố cacbon của công ty. Choi và cộng sự (2013) đã kết luận rằng, các công ty có danh tiếng và tầm nhìn cao có xu hướng duy trì danh tiếng và tính hợp pháp của họ bằng cách tăng tiết lộ liên quan đến các vấn đề bền vững và phát thải carbon cho các bên liên quan.

Nghiên cứu của Alfani và Diyanty (2019) cũng cho kết quả tương tự rằng, danh tiếng xã hội có ảnh hưởng tích cực đến tỷ lệ công bố. Điều này cũng phù hợp với lý thuyết hợp pháp, hợp đồng xã hội giữa công ty và cộng đồng yêu cầu các công ty tiến hành kinh doanh như những gì mong đợi từ các cộng đồng. Do đó, làm cho các công ty cố gắng đạt được tính hợp pháp và được công nhận rằng, họ đã thực hiện công việc kinh doanh như kỳ vọng (Tilling, 2004).

### 3.2. Nhóm yếu tố bên trong

#### *Quản trị công ty*

Nghiên cứu của Rankin và cộng sự (2011); Choi và cộng sự (2013) đã cho thấy, có một mối quan hệ tích cực giữa chất lượng quản trị công ty, xu hướng và mức độ tiết lộ cacbon. Thành phần hội đồng quản trị và sự đa dạng quốc tịch của hội đồng quản trị, có ảnh hưởng trong các quyết định quản lý liên quan đến chính sách phát thải cacbon (Kılıç và Kuzey, 2018).

Nghiên cứu của Okudo và Ndubuisi (2021) kết luận rằng, sự tập trung quyền sở hữu, sự đa dạng giới tính của hội đồng quản trị và tính bền vững của ủy ban có mối quan hệ tích cực với việc tiết lộ

lượng khí thải carbon của các công ty sản xuất ở Nigeria.

Kết quả nghiên cứu của He và cộng sự (2019) cũng cho thấy, mức độ quản trị công ty càng cao thì mức độ tiết lộ thông tin cacbon cũng càng cao. Nghĩa là, khi tỷ lệ giám đốc độc lập cao hơn các vị trí chủ tịch và tổng giám đốc được phân biệt mức độ CBTT cacbon cao hơn. Elsayih và cộng sự (2018) tìm thấy mối tương quan tích cực giữa quyền sở hữu quản lý và công bố cacbon. Họ cho rằng, nâng cao quyền sở hữu quản lý có thể giúp gắn kết lợi ích của nhà quản lý và cổ đông. Do đó, các nhà quản lý sẽ sẵn sàng hơn để truyền thông với các cổ đông về vấn đề biến đổi khí hậu.

#### *Tình trạng tài chính*

Rất nhiều nghiên cứu không tìm thấy tác động đáng kể của lợi nhuận công ty đối với xu hướng hoặc mức độ tiết lộ cacbon. Cormier và Magnan (2003) đã phát hiện ra rằng, tỷ lệ đòn bẩy có tác động tiêu cực đến CBTT môi trường của các công ty. Luo và Tang (2014) cho rằng, một công ty có đòn bẩy nợ cao có thể thích giữ lại thông tin nhạy cảm về rủi ro cacbon, vì sợ rằng tính minh bạch cao có thể làm suy yếu vị thế đàm phán của mình.

Các nghiên cứu của Choi và cộng sự (2013), Alfani và Diyanty (2019) đã cho thấy, khả năng sinh lợi được đo bằng ROA (Return on Asset) không có bất kỳ ảnh hưởng đáng kể nào đến tỷ lệ CBTT. Các công ty với tình trạng tài chính tồi tệ có xu hướng tập trung vào cải thiện điều kiện tài chính của họ, bằng cách giảm rủi ro kiệt quệ tài chính. Ngược lại, các công ty với

điều kiện tài chính tốt có xu hướng tăng giá trị của họ, bằng cách tiến hành kinh doanh bền vững (Alfani và Diyanty, 2019). Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Tang và Luo (2016) lại cho kết quả rằng, đòn bẩy nợ có liên quan đáng kể với minh bạch sinh thái.

### 4. Tác động của công bố cacbon đến giá trị DN

Lý thuyết về tính hợp pháp giải thích rằng, các công ty sẽ có xu hướng tìm kiếm tính hợp pháp từ môi trường xung quanh liên quan đến sự tồn tại hoạt động của công ty. Một trong số đó, là bằng cách cung cấp thông tin liên quan đến các hoạt động điều hành của công ty có tác động đến môi trường (Anggita và Nugroho, 2022). Các công ty đã đạt được tính hợp pháp, có xu hướng cải thiện hình ảnh và uy tín trong mắt công chúng, điều này sẽ ảnh hưởng đến giá trị chung của công ty.

Có nhiều nghiên cứu đã được thực hiện, để tìm hiểu ảnh hưởng của công bố cacbon đến giá trị DN. Nhiều nghiên cứu đã cho thấy, ảnh hưởng tích cực của công bố cacbon đến giá trị DN.

Nghiên cứu của Hardiyansah và cộng sự (2021) cho thấy, tiết lộ khí thải carbon có tác động tích cực và đáng kể đến giá trị công ty. Dựa trên lý thuyết tín hiệu, thông tin liên quan đến môi trường được công bố bởi công ty, đặc biệt là về phát thải cacbon sẽ được các nhà đầu tư coi là một tin tốt. Nghiên cứu này cũng chỉ ra loại hình công nghiệp cũng có ảnh hưởng của tiết lộ lượng khí thải cacbon đối với giá trị DN, khi các công ty được phân loại vào ngành công nghiệp

trình độ cao được yêu cầu bởi các bên liên quan, để giảm tác động của thiệt hại môi trường do hoạt động của họ gây ra.

Sun và cộng sự (2022) áp dụng mô hình Probit, để dự đoán khả năng CBTT cacbon tự nguyện. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, sự gia tăng lượng khí thải cacbon có tác động tiêu cực đến giá trị DN. Hành động mà các công ty chọn tiết lộ lượng khí thải cacbon, có tác động tích cực đến giá trị DN.

Nghiên cứu của Kurnia (2021) chỉ ra, công bố phát thải cacbon mang đến lợi thế cạnh tranh cho DN để tạo ra giá trị và giúp tăng giá trị DN tại Indonesia. Tuy nhiên, công bố cacbon lại không có ảnh hưởng đến giá trị DN tại Australia, CBTT khí thải cacbon là tốn kém và cần chi phí cao hơn, nó có thể làm cản trở việc cải thiện giá trị DN.

Kết quả nghiên cứu của Sari và Budiasih (2021) cho thấy, tiết lộ lượng khí thải carbon có tác động tích cực đến giá trị của các công ty sản xuất niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Indonesia trong năm 2018 - 2019. Điều này có nghĩa là, việc tiết lộ lượng khí thải carbon càng cao thì giá trị của công ty càng cao.

Rahmianingsih & Malau (2022) cũng chỉ ra việc tiết lộ lượng khí thải cacbon có tác động tích cực đến giá trị DN. Dựa trên những kết quả của nghiên cứu, tiết lộ cacbon ảnh hưởng lớn đến đánh giá của các bên liên quan về một công ty.

Tuy nhiên, một số nghiên cứu lại cho thấy kết quả ngược lại về sự ảnh hưởng của công bố cacbon với giá trị DN.

Nghiên cứu của Anggita và Nu-

groho (2022) chỉ ra rằng, việc CBTT tự nguyện của các công ty về khí thải cacbon không phải là thứ có thể làm tăng giá trị của công ty. Công bố cacbon không có ảnh hưởng đến giá trị DN, trong khi thực hành kế toán xanh lại có ảnh hưởng tích cực đáng kể.

Nghiên cứu của Asyifa và Burhany (2022) đã cho thấy, tiết lộ khí thải carbon không ảnh hưởng đến giá trị DN. Có nghĩa là, việc tiết lộ lượng khí thải cacbon của công ty không ảnh hưởng đến quyết định của nhà đầu tư, do đó nó không ảnh hưởng đến giá trị DN. Mặt khác, tiết lộ lượng khí thải cacbon và hiệu quả môi trường ảnh hưởng tích cực đến giá trị DN. Điều này có nghĩa là, nhiều thông tin hơn về lượng khí thải cacbon được tiết lộ bởi công ty và hiệu quả môi trường cao hơn mà công ty đạt được sẽ làm tăng giá trị công ty.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu đã phân tích một số lý thuyết phổ biến liên quan đến việc CBTT cacbon tại DN, gồm: Lý thuyết hợp pháp, Lý thuyết các bên liên quan, Lý thuyết thể chế, Lý thuyết tín hiệu và Lý thuyết đại diện. Ngoài ra, tác giả cũng xem xét các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định công bố lượng khí thải cacbon, với 02 nhóm nhân tố bên trong và bên ngoài. Cuối cùng, tác động của công bố cacbon đến giá trị DN cũng được phân tích.

Vì vậy, các nghiên cứu khác trong tương lai có thể được thực hiện để phân tích các xu hướng tiếp theo liên quan đến công bố cacbon, như: thực hành kế toán cacbon để ghi nhận; đo lường ảnh

hưởng của thông tin cacbon trên báo cáo tài chính; kết hợp CBTT khí thải cacbon và các yếu tố khác để tăng giá trị DN. ■

## Tài liệu tham khảo

- Al Amosh, H., & Khatib, S. F. A. (2022). "Theories of corporate disclosure: A literature review". *Corporate Governance and Sustainability Review*, 6(1), 46-59.
- Alfani, G. A., & Diyanty, V. (2019). "Determinants of carbon emission disclosure". *Journal of Economics, Business, and Accountancy Ventura*, 22(3), 333-346.
- Alrazi, B., De Villiers, C., & Van Staden, C. J. (2016). "The environmental disclosures of the electricity generation industry: a global perspective". *Accounting and Business Research*, 46(6), 665-701.
- Anggita, W., & Nugroho, A. A. (2022). "Carbon Emission Disclosure And Green Accounting Practices On The Firm Value". *Jurnal Akuntansi*, 26(3), 464-481.
- Arum, E. D. P. (2019). "The Implementation Of Green Accounting And Its Implication On Financial Reporting Quality In Indonesia". *Journal of Business Studies and Management Review*, 3(1), hal. 67-75.
- Asyifa, D. A., & Burhany, D. I. (2022). "Carbon Emission Disclosure and Environmental Performance Effect on Firm Value". *Carbon*, 5(7).
- Bae, S. M., Masud, M. A. K., & Kim, J. D. (2018). "A cross-country investigation of corporate governance and corporate sustainability disclosure: A signaling theory perspective". *Sustainability*, 10(8), 2611.
- Bazhair, A. H., Khatib, S. F., & Al Amosh, H. (2022). "Taking stock of carbon disclosure research while looking to the future: a systematic literature review". *Sustainability*, 14(20), 13475.
- Brammer, S., & Pavelin, S. (2006). "Voluntary environmental disclosures by large UK companies". *Journal of Business Finance Accounting*, 33(7-8), 1168-1188.

- Campbell, D., Shrivs, P., & Bohmbach-Saager, H. (2001). "Voluntary disclosure of mission statements in corporate annual reports: Signaling what and to whom?". *Business and Society Review*, 106(1), 65-87."
- Choi, B. B., Lee, D., & Psaros, J. (2013). "An analysis of Australian company carbon emission disclosures". *Pacific Accounting Review*.
- Cormier, D., & Magnan, M. (2003). Environmental reporting management: a continental European perspective". *Journal of Accounting and public Policy*, 22(1), 43-62.
- Cotter, J., & Najah, M. M. (2012). "Institutional investor influence on global climate change disclosure practices". *Australian Journal of management*, 37(2), 169-187.
- Desai, R. (2022). "Determinants of corporate carbon disclosure: A step towards sustainability reporting". *Borsa Istanbul Review*, 22(5), 886-896.
- DiMaggio, P. J., & Powell, W. W. (1983). "The iron cage revisited: Institutional isomorphism and collective rationality in organizational fields". *American sociological review*, 147-160.
- Donnelly, R., & Mulcahy, M. (2008). "Board structure, ownership, and voluntary disclosure in Ireland". *Corporate Governance: An International Review*, 16(5), 416-429.
- Elsayih, J., Tang, Q., & Lan, Y. C. (2018). "Corporate governance and carbon transparency: Australian experience". *Accounting Research Journal*, 31(3), 405-422.
- Freedman, M., & Jaggi, B. (2005). "Global warming, commitment to the Kyoto protocol, and accounting disclosures by the largest global public firms from polluting industries". *The International Journal of Accounting*, 40(3), 215-232.
- Hardiyansah, M., Agustini, A. T., & Purnamawati, I. (2021). "The effect of carbon emission disclosure on firm value: environmental performance and industrial type". *The Journal of Asian Finance, Economics and Business*, 8(1), 123-133.
- He, P., Shen, H., Zhang, Y., & Ren, J. (2019). "External pressure, corporate governance, and voluntary carbon disclosure: Evidence from China". *Sustainability*, 11(10), 2901.
- He, R., Luo, L., Shamsuddin, A., & Tang, Q. (2022). "Corporate carbon accounting: a literature review of carbon accounting research from the Kyoto Protocol to the Paris Agreement". *Accounting & Finance*, 62(1), 261-298.
- Hoştut, S., & van het Hof, S. D. (2020). "Greenhouse gas emissions disclosure: comparing headquarters and local subsidiaries". *Social Responsibility Journal*, 16(6), 899-915.
- Jira, C., & Toffel, M. W. (2013). "Engaging supply chains in climate change". *Manufacturing & Service Operations Management*, 15, 559-577.
- Kalu, J., Buang, A., & Aligha, G. (2016). "Determinants of carbon emission disclosure and reduction in corporate real estate companies in Nigeria". *Journal of Environment and Earth Science*, 6(2), 87-94.
- Kılıç, M., & Kuzey, C. (2018). "The effect of corporate governance on carbon emission disclosures: Evidence from Turkey". *International Journal of Climate Change Strategies and Management*.
- Kouloukoui, D., Marinho, M. M. D. O., Gomes, S. M. D. S., de Jong, P., Kiperstok, A., & Torres, E. A. (2020). "The impact of the board of directors on business climate change management: case of Brazilian companies". *Mitigation and Adaptation Strategies for Global Change*, 25, 127-147.
- Kurnia, P. (2021). "Carbon emission disclosure and firm value: A study of manufacturing firms in Indonesia and Australia". *International Journal of Energy Economics and Policy*.
- Li, Y., Eddie, I., & Liu, J. (2014). "Carbon emissions and the cost of capital: Australian evidence". *Review of Accounting and Finance*, 13(4), 400-420.
- Luo, L. (2019). The influence of institutional contexts on the relationship between voluntary carbon disclosure and carbon emission performance". *Accounting and Finance*, 59(2), 1235-1264.
- Luo, L., & Tang, Q. (2014). "Does voluntary carbon disclosure reflect underlying carbon performance?". *Journal of Contemporary Accounting & Economics*, 10(3), 191-205.
- Morris, R. D. (1987). "Signalling, agency theory and accounting policy choice". *Accounting and business Research*, 18(69), 47-56.
- Nik Ahmad, N. N., & Hossain, D. M. (2019). "Exploring the meaning of climate change discourses: an impression management exercise?". *Accounting Research Journal*, 32(2), 113-128.
- Okudo, A. G., & Ndubuisi, A. N. (2021). "Corporate governance and carbon disclosure practices of quoted manufacturing firms in Nigeria". *International Journal of Contemporary Research and Review*, 12(07), 20420-20433.
- Omran, M. A., & El-Galfy, A. M. (2014). "Theoretical perspectives on corporate disclosure: A critical evaluation and literature survey". *Asian Review of Accounting*, 22(3), 257-286.
- Pinheiro, A. B., da Silva Arruda, R., Sampaio, T. S. L., & Carraro, W. B. W. H. (2022). "The Role of Cultural Values in Carbon Disclosure: A Global Perspective". *Revista de Gestão Social e Ambiental-RGSA*, 16(1).
- Rahman, S., Khan, T., & Siriwardhane, P. (2019). "Sustainable development carbon pricing initiative and voluntary environmental disclosures quality". *Business Strategy and the Environment*, 28(6), 1072-1082.
- Rahmianingsih, A., & Malau, M. (2022). "Carbon Emission Disclosure and Firm Value: Does Eco-Efficiency Moderate this Relationship?". *International Journal of Social Service and Research*, 2(12), 1310-1324.
- Rankin, M., Windsor, C., & Wahyuni, D. (2011). "An investigation of voluntary corporate greenhouse gas emissions reporting in a market governance system: Australian evidence". *Accounting, Auditing & Accountability Journal*.
- Sari, K. H. V., dan Budiasih, I. G. A. N. (2021). "Carbon Emission Disclosure dan Nilai Perusahaan," *E-Jurnal Akuntansi*, 32(1), hal. 3535-3541.
- Sun, Z. Y., Wang, S. N., & Li, D. (2022). "The impacts of carbon emissions and voluntary carbon disclosure on firm value". *Environmental Science and Pollution Research*, 29(40), 60189-60197.
- Tang, Q., & Luo, L. (2016). "Corporate ecological transparency: Theories and empirical evidence". *Asian Review of Accounting*, 24(4), 498-524.
- Tilling, M. V. (2004). Some thoughts on legitimacy theory in social and environmental accounting. *Social and Environmental Accountability Journal*, 24(2), 3-7.
- Zamil, I. A., Ramakrishnan, S., Jamal, N. M., Hatif, M. A., & Khatib, S. F. (2021). "Drivers of corporate voluntary disclosure: a systematic review". *Journal of Financial Reporting and Accounting*.